

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

QUY TRÌNH

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020

(Kèm theo Phương án Điều tra ban hành theo Quyết định số 1695/QĐ-TCTK
ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 1/7/2020 (viết gọn là ĐTNNGK 2020) là việc lập danh sách các đơn vị điều tra thuộc phạm vi của cuộc điều tra trên một khu vực địa lý nhất định, theo quy trình cụ thể, thống nhất và ghi vào biểu mẫu được thiết kế trước.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐƠN VỊ LẬP BẢNG KÊ

1. Mục đích của lập bảng kê

Lập bảng kê là hoạt động quan trọng, cần thiết trong ĐTNNGK 2020, giúp thực hiện điều tra trên cả nước được thuận lợi, tránh trùng hoặc bỏ sót các đơn vị điều tra. Công tác lập bảng kê nhằm một số mục đích sau:

(1) Giúp Tổ công tác ĐTNNGK 2020 (viết gọn là Tổ công tác) các cấp nắm được thông tin ban đầu của từng loại đơn vị điều tra trên từng địa bàn, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch, huy động, tuyển chọn, tập huấn điều tra viên và giám sát viên; chuẩn bị khối lượng các loại tài liệu phục vụ điều tra (sổ tay hướng dẫn, quy trình nghiệp vụ và các tài liệu có liên quan khác) và các vật tư văn phòng phẩm; ...;

(2) Giúp Tổ công tác các cấp chủ động chỉ đạo và điều hành công việc; theo dõi tiến độ thực hiện trong phạm vi được phân công, bảo đảm Cuộc điều tra được tiến hành đúng tiến độ đã đề ra;

(3) Giúp Tổ công tác các cấp xây dựng mạng lưới thông tin phục vụ thực hiện thu thập thông tin, chủ động trong việc phân công các đơn vị điều tra cụ thể cho từng điều tra viên; theo dõi tiến độ thực hiện khối lượng điều tra;

(4) Giúp điều tra viên nhận biết số lượng, phạm vi và địa chỉ của các đơn vị điều tra được phân công, bảo đảm trong quá trình tiến hành thu thập thông tin được đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp, bỏ sót đơn vị điều tra;

(5) Làm dàn chọn mẫu để tiến hành chọn hộ điều tra mẫu thu thập thông tin chuyên sâu của hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là nông nghiệp).

2. Yêu cầu của lập bảng kê

(1) Đầy đủ các đơn vị điều tra thuộc phạm vi điều tra, không trùng lặp, không bỏ sót đơn vị điều tra.

(2) Thông tin trong bảng kê phải được thu thập, ghi chép theo đúng nội dung yêu cầu của các chỉ tiêu tại biểu mẫu do Tổ công tác Trung ương quy định.

(3) Bảng kê phải hoàn thành theo đúng thời gian quy định.

(4) Các bảng kê được tiếp tục cập nhật nội dung khi có thông tin phát sinh.

3. Đơn vị lập bảng kê

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp;

(2) Trang trại được quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về tiêu chí kinh tế trang trại.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, QUY ƯỚC

1. Hộ

1.1. Khái niệm hộ

Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Lưu ý:

- Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở¹, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều, lán, trại, nhà trọ, khu nhà ở cho người lao động,...

- Được tính là hai hộ khác nhau nếu hai gia đình, hai nhóm người ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau hoặc ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau.

1.2. Quy ước về hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là hộ theo khái niệm hộ mục 1.1 và thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

¹ Đơn vị nhà ở được hiểu là một phòng, một căn hộ hoặc một ngôi nhà

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động trồng, thu hoạch sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và có sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ 200 m² trở lên;
- Hộ chăn nuôi từ 01 con trâu, bò, lợn hoặc từ 30 con gia cầm trở lên;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên²** thực hiện hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, bao gồm cả hoạt động dịch vụ nông nghiệp.

(2) Hộ có hoạt động sản xuất lâm nghiệp là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động trồng hoặc chăm sóc cây lâm nghiệp và có diện tích đất lâm nghiệp từ 3000 m² trở lên;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** thực hiện dịch vụ lâm nghiệp (chăm sóc, bảo vệ rừng,...) hoặc **chuyên** thực hiện hoạt động thu nhặt sản phẩm từ rừng;

(3) Hộ có hoạt động sản xuất thủy sản là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động nuôi trồng các loại thủy sản và có từ 300 m² đất nuôi trồng thủy sản trở lên hoặc có lồng bè, bể bồn nuôi thủy sản;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** thực hiện hoạt động ương nuôi giống thủy sản;
- Hộ có hoạt động khai thác thủy sản và có từ 01 tàu thuyền có động cơ trở lên **chuyên** khai thác thủy sản; hoặc hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** khai thác hoặc làm thuê thủy sản.

2. Địa bàn điều tra

2.1. Khái niệm

Địa bàn điều tra sử dụng trong cuộc ĐTNNGK 2020 là khu vực dân cư có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

2.2. Quy định địa bàn điều tra

2.2.1. *Địa bàn điều tra khu vực nông thôn* là địa bàn thuộc dân mẫu chủ khu vực nông thôn của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là TĐTDS 2019) sau khi được rà soát, cập nhật đến thời điểm lập bảng kê.

2.2.2. *Địa bàn điều tra khu vực thành thị*, là địa bàn được chọn từ các địa bàn được lập trên cơ sở rà soát, tách, ghép địa bàn chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của toàn bộ địa bàn thành thị và các địa bàn khu vực nông thôn chuyển lên thành thị của TĐTDS 2019 có đến thời điểm lập bảng kê.

² Lao động chuyên là lao động có tổng thời gian lao động quy đổi từ 30 ngày (hoặc 240 giờ) trong năm trở lên.

3. Trang trại

3.1. Khái niệm

Trang trại là những cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại theo quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chí kinh tế trang trại và có kết quả sản xuất kinh doanh trong năm điều tra.

3.2. Quy định về đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại

3.2.1. Đối với trang trại chuyên ngành

Trong cuộc điều tra này, trang trại được quy định như sau:

Trang trại chuyên ngành được xác định theo lĩnh vực sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp và tỷ trọng giá trị sản phẩm³ của lĩnh vực chiếm trên 50% cơ cấu tổng giá trị sản phẩm của trang trại trong năm 2019. Trang trại chuyên ngành được phân loại như sau:

(1) Trồng trọt: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 1,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên;

(2) Nuôi trồng thủy sản: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên;

(3) Chăn nuôi: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên;

(4) Lâm nghiệp: Giá trị sản phẩm đạt từ 1,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 10,0 ha trở lên;

(5) Sản xuất muối: Giá trị sản phẩm đạt 0,35 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.

3.2.2. Đối với trang trại tổng hợp

Trang trại tổng hợp là trang trại không có lĩnh vực sản xuất nào có tỷ trọng giá trị sản phẩm chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản phẩm của trang trại trong năm 2019. Đồng thời giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.

3.3. Quy định về cách tính tổng diện tích đất sản xuất và giá trị sản xuất của trang trại

(1) Tổng diện tích đất sản xuất của trang trại là diện tích đất sản xuất kinh doanh của trang trại, được sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai, bao gồm diện tích đất để trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây lâm nghiệp, nuôi

³ Bao gồm cả sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ.

trồng thủy sản, sản xuất muối và đất để xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất của trang trại tại thời điểm kê khai.

(2) Giá trị sản phẩm của trang trại là giá trị sản phẩm trang trại đạt được trong năm 2019; được tính bằng tổng giá trị sản phẩm các kỳ thu hoạch hoặc khai thác trong năm.

PHẦN II. QUY TRÌNH LẬP BẢNG KÊ

I. Lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp

Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp được lập cho từng địa bàn điều tra.

1. Nội dung bảng kê

Bảng kê hộ được thực hiện theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO gồm 3 phần, cụ thể như sau:

- (1) Thông tin định danh;
- (2) Thông tin chi tiết của bảng kê;
- (3) Xác nhận.

2. Quy trình lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp

2.1. Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực nông thôn

Bước 1: Rà soát địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn do Tổ công tác Trung ương cung cấp (trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020), Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với người thực hiện công tác thống kê tại xã (sau đây gọi là thống kê xã), trưởng thôn tiến hành rà soát lại địa bàn và lập danh sách địa bàn theo Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB, theo nguyên tắc đảm bảo giữ nguyên địa bàn trong TĐTDS 2019, cụ thể như sau:

- Loại bỏ địa bàn không còn tồn tại do giải tỏa toàn bộ hoặc địa bàn chuyển từ nông thôn sang thành thị;

- Địa bàn có quy mô dưới 60 hộ, thực hiện ghép địa bàn bằng cách chọn một hoặc một số địa bàn liền kề (không phải địa bàn thuộc dân mẫu chủ TĐTDS 2019) phù hợp, đảm bảo về quy mô (địa bàn mới sau khi ghép có số lượng hộ từ 60 trở lên và không quá 160 hộ). Mã địa bàn là mã của địa bàn ban đầu, tên địa bàn là tên của các địa bàn được nối với nhau bằng dấu ”+”.

- Trường hợp sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã

(1) Đối với các địa bàn có xã, huyện thay đổi: Giữ nguyên mã và tên của địa bàn đồng thời thực hiện cập nhật tên, mã của xã mới, huyện mới. Trường

hợp tên xã, huyện thay đổi nhưng chưa có mã xã, mã huyện mới thì cập nhật tên xã, huyện và giữ nguyên mã xã, huyện cũ.

(2) Đối với địa bàn của xã bị chia tách nay thuộc xã khác, giữ nguyên mã địa bàn, cập nhật tên địa bàn theo đơn vị hành chính mới. Trường hợp mã địa bàn của xã bị tách và xã được nhập thêm trùng nhau, thực hiện cập nhật lại các mã địa bàn đảm bảo mỗi địa bàn có một mã duy nhất.

Ví dụ: Địa bàn 001 của xã B được chọn điều tra. Địa bàn 001 của xã A được chọn điều tra nay chuyển về xã B do sắp xếp lại đơn vị hành chính. Như vậy xã B có 2 địa bàn có mã 001 (01 địa bàn của xã B và 01 địa bàn của xã A được nhập vào xã B). Theo quy định trên, cần cập nhật lại mã địa bàn 001 của xã A hoặc địa bàn 001 của xã B để đảm bảo mỗi địa bàn trong xã B có một mã duy nhất.

(3) Đối với một địa bàn của xã bị chia tách thành nhiều phần nay thuộc các xã khác nhau, tiến hành chọn địa bàn chứa địa bàn cũ có quy mô hộ lớn nhất; giữ nguyên mã địa bàn, cập nhật tên địa bàn (nếu có).

Ví dụ: Địa bàn 001 của xã A có quy mô 145 hộ bị tách thành hai phần, phần thứ nhất gồm 50 hộ được nhập vào địa bàn 005 của xã B, phần thứ hai gồm 95 hộ được nhập vào địa bàn 002 của xã C do sắp xếp lại đơn vị hành chính. Theo quy định trên, phần thứ 2 địa bàn 001 của xã A sau khi chuyển về xã C sẽ được chọn làm địa bàn điều tra (chỉ bao gồm 95 hộ) với mã địa bàn là 001, tên địa bàn được cập nhật lại nếu có thay đổi.

Bước 2: Rà soát, lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn

- Từ các địa bàn đã được rà soát, Chi cục Thống kê phối hợp với thống kê xã, trưởng thôn sử dụng danh sách hộ trên địa bàn (được khai thác từ TĐTDS 2019 và cập nhật trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020) tiến hành rà soát các hộ trên địa bàn, hộ chuyển đi, hộ chuyển đến; hộ tách, nhập để xác định tổng số hộ trên địa bàn. Người lập bảng kê tiến hành rà soát danh sách và đến hộ xác định hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp sau đó hoàn thiện danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO.

- Đối với những hộ có hoạt động NLTS mới phát sinh sẽ được lập, bổ sung vào cuối danh sách và ghi vào cột ghi chú thông tin về hộ (ví dụ như gần hộ nào trong danh sách), ID của những hộ này do Tổ công tác Trung ương ghi.

Bước 3: Cập nhật danh sách địa bàn

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách địa bàn (Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB), danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO) lên trang Web điều hành tác nghiệp.

2.2. Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực thành thị

Bước 1: Rà soát địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn thành thị của TĐTDS 2019 trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020 (đã loại bỏ những địa bàn không chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp), Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với người thực hiện công tác thống kê tại phường, thị trấn, tổ trưởng tổ dân phố tiến hành rà soát lại địa bàn cụ thể như sau:

(1) Loại bỏ địa bàn không còn tồn tại;

(2) Bổ sung địa bàn mới phát sinh (những địa bàn thuộc các xã của TĐTDS 2019 được chuyển lên thành thị sau thời điểm 01/4/2019).

Bước 2: Lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn đã được rà soát ở Bước 1 và danh sách hộ của các địa bàn này được khai thác từ TĐTDS 2019, người được giao nhiệm vụ lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp thực hiện cụ thể như sau:

- Tiến hành khảo sát thực địa để nắm rõ về ranh giới và phạm vi của địa bàn đã được giao phụ trách thực hiện lập Bảng kê hộ trên thực tế; tham khảo các nguồn số liệu sẵn có để rà soát nhằm xác định sơ bộ các hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa bàn.

- Đi từ đầu hoặc cuối địa bàn, đến từng hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (tránh bỏ sót) trong phạm vi địa bàn được giao phụ trách; trong quá trình thu thập thông tin bảng kê tại địa bàn, cần kết hợp quan sát, tìm hiểu thêm thông tin để xác định, bổ sung hộ thực tế có hoạt động sản xuất nông nghiệp do chưa được rà soát, xác định sơ bộ và đến hộ khai thác thông tin.

- Tại mỗi hộ, người lập bảng kê gặp chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về hộ để hỏi, xác định và ghi chép thông tin vào Bảng kê hộ theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO với nội dung cụ thể:

(1) Số thứ tự hộ: Số thứ tự hộ được đánh từ 01 đến hết theo từng địa bàn;

(2) Cập nhật lại mã thôn, tên thôn (nếu có thay đổi);

(3) Họ, tên chủ hộ;

(4) Tình trạng của hộ (1. Hộ còn tại địa bàn; 2. Hộ phát sinh mới bao gồm hộ tách mới từ hộ ban đầu, hộ mới chuyển đến; 3. Hộ thay đổi chủ hộ);

(5) Thông tin xác định hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

(6) Người lập Bảng kê hộ kiểm tra, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ tên vào Bảng kê hộ và bàn giao Bảng kê hộ cho công chức của Chi cục Thống kê.

Bước 3: Tách, ghép địa bàn

Chi cục Thống kê phối hợp với thống kê phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố căn cứ vào bảng kê hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp đã được lập ở từng địa bàn và quy định tách, ghép địa bàn để lập các địa bàn mới (theo Mẫu số 01-BK/ĐTNNKG-ĐB).

Quy định về tách, ghép địa bàn như sau:

- Địa bàn từ 160 hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp trở lên, thực hiện tách địa bàn ban đầu thành một số địa bàn với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 80 hộ;

- Địa bàn dưới 80 hộ hoạt động sản xuất nông nghiệp, thực hiện ghép một số địa bàn liền kề thành một địa bàn mới với quy ước mỗi địa bàn có không quá 160 hộ.

(1) Đối với địa bàn có trên 160 hộ có hoạt động NLTS, tách thành nhiều địa bàn, quy định:

- Tên địa bàn mới sẽ là tên địa bàn dân số ban đầu + số thứ tự từ 01, tăng dần cho đến hết số lượng địa bàn được tách và nối bằng ký tự “-” ở giữa.

- Mã địa bàn sẽ được đánh lại cho từng phường, thị trấn lần lượt, bắt đầu từ 001.

- Ghi vào cột ghi chú “tách địa bàn (tên địa bàn) thành (số lượng) địa bàn”.

Ví dụ: Địa bàn “Tổ 1” có số hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là 180 hộ, theo quy định sẽ được tách thành 02 địa bàn, tên địa bàn mới là “Tổ 1-01” và “Tổ 1-02”. Cột ghi chú ghi là tách địa bàn “Tổ 1” thành 2 địa bàn.

(2) Trường hợp địa bàn điều tra được ghép từ nhiều địa bàn liền kề, quy định cụ thể như sau:

- Tên địa bàn mới sẽ là tên của các địa bàn dân số ban đầu và được nối với nhau bằng ký tự “+”;

- Mã địa bàn sẽ được đánh lại cho từng phường, thị trấn theo lần lượt, bắt đầu từ 001.

Ví dụ: Số lượng hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn 003 (tên địa bàn là Tổ 1) và địa bàn 004 (tên địa bàn là Tổ 5) lần lượt là 50 và 45 hộ. Như vậy, hai địa bàn này được ghép với nhau để thành địa bàn mới. Tên của địa bàn mới là: Tổ 1+5.

Lưu ý

- Địa bàn điều tra khu vực thành thị được lập theo phường, thị trấn; không ghép địa bàn của phường, thị trấn này với địa bàn của phường, thị trấn khác tạo

thành địa bàn mới. Trường hợp một phường, thị trấn khi ghép hết các địa bàn với nhau nhưng số hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn dưới 80 hộ thì được quy định là 01 địa bàn. Trường hợp địa bàn có dưới 80 hộ nhưng không ghép được với các địa bàn khác trong cùng một phường, thị trấn do địa bàn sau khi ghép có quy mô vượt quá 160 hộ, quy ước giữ nguyên địa bàn.

- Địa bàn mới đảm bảo được tách từ một địa bàn hoặc ghép từ nhiều địa bàn trong TĐTDS 2019.

- Việc tách và ghép các địa bàn ban đầu tạo thành (các) địa bàn điều tra phải đảm bảo ranh giới địa bàn điều tra rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để thuận tiện cho công tác điều tra.

- Không ghép một phần của địa bàn này với một phần của địa bàn khác hoặc một phần địa bàn này với một địa bàn khác với nhau để tạo thành một địa bàn mới.

Bước 4: Tổng hợp danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo địa bàn sau khi được tách, ghép

Từ danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của các địa bàn ban đầu (khi chưa tách, ghép), Chi cục Thống kê thực hiện lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn (được lập ở Bước 3) theo Mẫu số 02-BK/ĐTNGK-HO.

Bước 5: Cập nhật danh sách địa bàn

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách địa bàn theo Mẫu số 01-BK/ĐTNGK-ĐB và danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (được lập ở Bước 4) của địa bàn lên trang Web điều hành tác nghiệp. Giám sát viên cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện lập bảng kê hộ và cập nhật danh sách lên trang Web điều hành tác nghiệp.

II. Lập bảng kê trang trại

Bước 1. Rà soát danh sách trang trại trên địa bàn xã

Căn cứ vào quy định tiêu chí kinh tế trang trại và danh sách trang trại hiện có trên địa bàn xã, phường, thị trấn Chi cục Thống kê phối hợp với công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn cập nhật, rà soát những hộ, cá nhân, cơ sở sản xuất đạt tiêu chí trang trại trước khi thực hiện lập bảng kê.

Bước 2. Lập bảng kê trang trại

a) Người lập bảng kê phải đến từng trang trại trong xã, phường, thị trấn để lập bảng kê theo Mẫu số 03-BK/ĐTNGK-TT với thông tin như sau:

- Số thứ tự trang trại;
- Họ, tên chủ trang trại;

- Địa chỉ của trang trại;
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy sản của trang trại, diện tích đất làm muối;
- Giá trị sản phẩm đạt được từ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và làm muối của trang trại trong năm 2019.

b) Việc lập bảng kê trang trại được thực hiện lần lượt từ thôn, tổ dân phố này đến thôn, tổ dân phố khác trong xã, phường, thị trấn. Số thứ tự của trang trại được đánh số liên tục từ trang trại đầu tiên đến trang trại cuối cùng trong xã, phường, thị trấn;

c) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên vào bảng kê và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Chi cục Thống kê.

Bước 3. Báo cáo bảng kê trang trại

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách trang trại lên trang Web điều hành tác nghiệp. Giám sát viên cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện lập bảng kê và cập nhật danh sách lên trang Web điều hành tác nghiệp.

PHẦN III. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ, TRANG TRẠI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục đích của cập nhật bảng kê

Cập nhật Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại nhằm rà soát, cập nhật đầy đủ những thay đổi của các đơn vị điều tra trước thời điểm thu thập thông tin ĐTNNGK 2020.

Cập nhật Bảng kê hộ, trang trại giúp việc phân công nhiệm vụ thu thập thông tin cho các điều tra viên được đầy đủ, tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót các đơn vị điều tra trên địa bàn.

2. Thời gian cập nhật

Thời gian cập nhật Bảng kê hộ được thực hiện từ ngày 15 đến ngày 25 tháng 6 năm 2020.

II. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ

Cập nhật bảng kê được thực hiện đối với Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO và Bảng kê trang trại theo Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT.

Các thông tin cần cập nhật bảng kê gồm; (1) đơn vị mới chuyển đến địa bàn, mới phát sinh; (2) tách từ đơn vị ban đầu; (3) đơn vị chuyển đi khỏi địa bàn; (4) thay đổi tên chủ hộ, trang trại.

1. Tài liệu sử dụng

Người cập nhật bảng kê sử dụng Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO) và Bảng kê trang trại (Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT) do Chi cục Thống kê cung cấp. Thông tin về các loại Bảng kê đã được lưu trữ trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020.

2. Nhiệm vụ của người cập nhật Bảng kê

- Người cập nhật bảng kê nhận bàn giao Bảng kê hộ, trang trại từ Chi cục Thống kê.

- Phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn do mình phụ trách và nắm thông tin về những thay đổi của các hộ, trang trại phục vụ cho công tác kiểm tra thực địa và cập nhật Bảng kê.

- Người cập nhật bảng kê đến các hộ, trang trại mới chuyển đến hoặc có thay đổi trong địa bàn điều tra cần phỏng vấn chủ hộ, chủ trang trại và cập nhật Bảng kê.

- Hoàn thiện bảng kê và bàn giao cho công chức Chi cục Thống kê theo thời gian quy định.

3. Các trường hợp cập nhật Bảng kê

Cập nhật Bảng kê hộ, trang trại khi có thay đổi trong các trường hợp sau:

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại mới chuyển đến địa bàn điều tra, mới phát sinh hoặc tách ra từ hộ khác trong địa bàn người cập nhật bảng kê ghi bổ sung số thứ tự, các thông tin vào cuối danh sách, bỏ trống thông tin ở cột ID hộ (trong TĐTDS 2019);

(2) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại không còn tại địa bàn người cập nhật bảng kê ghi vào cột ghi chú “Hộ, trang trại chuyển khỏi địa bàn” và giữ nguyên tất cả các cột chứa thông tin của hộ, trang trại trong bảng kê;

(3) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại không còn hoạt động sản xuất hoặc không đảm bảo quy mô sản xuất nông nghiệp, người cập nhật bảng kê ghi vào cột ghi chú “Hộ, trang trại không hoạt động NLTS” và giữ nguyên tất cả các cột chứa thông tin của hộ, trang trại trong bảng kê;

(4) Thay đổi tên chủ hộ, trang trại người lập bảng kê tiến hành cập nhật tên chủ hộ, trang trại mới.

4. Cập nhật bảng kê lên trang Web điều hành

Sau khi nhận bàn giao các loại bảng kê đã được cập nhật từ người được giao nhiệm vụ cập nhật bảng kê, Chi cục Thống kê tổng hợp và cập nhật lên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020 chậm nhất ngày 25 tháng 6 năm 2020.

PHẦN IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức việc lập, xử lý, tổng hợp, Bảng kê địa bàn điều tra, Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, Bảng kê trang trại; kiểm tra, duyệt và báo cáo cho Tổ công tác Trung ương thông qua trang Web điều hành, tác nghiệp ĐTNNGK 2020 theo thời gian cụ thể như sau:

(1) Danh sách địa bàn điều tra (Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB): **Chậm nhất ngày 30/5/2020;**

(2) Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO): **chậm nhất ngày 30/5/2020;**

(3) Bảng kê trang trại (Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT): **Chậm nhất ngày 25/5/2020.**

II. CÁCH THỰC HIỆN

Xử lý, tổng hợp và gửi dữ liệu các loại bảng kê về Tổ công tác Trung ương theo các cách sau:

Cách 1: Nhập thông tin của các loại bảng kê vào bảng tính Excel và gửi kết quả theo địa chỉ thư nonglamthuysan@gso.gov.vn

Cách 2: Cập nhật các loại bảng kê lên Trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020. Cách nhập thông tin trực tiếp được hướng dẫn cụ thể trong tài liệu hướng dẫn sử dụng trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐTNNGK 2020 CỦA
QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH**

Tỉnh/TP:

--	--

Quận/huyện/TX/TP:

--	--	--

Số TT	Mã (Xã ⁴)	Tên xã	Mã địa bàn ⁵ (trong TĐTDS 2019)	Địa bàn		Thôn/tổ dân phố ⁶		Ghi chú
				Mã	Tên	Mã	Tên	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								

⁴ Xã, phường, thị trấn

⁵ Các địa bàn của TĐTDS2019 nếu ghép thành 01 địa bàn của ĐTNNGK2020 được ghi trên 1 dòng và nối với nhau bằng dấu “+”.

⁶ Địa bàn của ĐTNNGK2020 được ghép từ nhiều thôn, tổ dân phố thì ghi mã thôn, tổ dân phố, tên thôn, tổ dân phố trên 1 dòng và nối với nhau bằng dấu “+”.

BẢNG KÊ HỘ CÓ HOẠT ĐỘNG NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN

Tỉnh, TP:.....

Huyện (TP, TX):

Xã (P, TT):

Địa bàn:

Tổng số hộ⁷

- **Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp:** Có trồng, thu hoạch sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và có sử dụng đất SXNN từ 200 m² trở lên; **hoặc** có nuôi từ 01 con trâu, bò, lợn hoặc từ 30 con gia cầm trở lên; hoặc có ít nhất 01 lao động chuyên thực hiện hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, bao gồm cả hoạt động dịch vụ nông nghiệp.

- **Hộ có hoạt động sản xuất lâm nghiệp:** Có trồng hoặc chăm sóc cây lâm nghiệp và có diện tích đất lâm nghiệp từ 3000 m² trở lên; hoặc có ít nhất 01 lao động chuyên thực hiện dịch vụ lâm nghiệp (chăm sóc, bảo vệ rừng,...) hoặc chuyên thực hiện các hoạt động thu nhập sản phẩm từ rừng

- **Hộ có hoạt động sản xuất thủy sản:** Có hoạt động nuôi thủy sản từ 300 m²; hoặc có lồng bè, bè bồn; hoặc nuôi giống thủy sản; hoặc hộ khai thác thủy sản và có từ 01 tàu thuyền có động cơ trở lên chuyên khai thác thủy sản; hoặc có ít nhất 1 lao động chuyên khai thác hoặc làm thuê thủy sản hoặc chuyên thực hiện hoạt động ươm nuôi giống thủy sản.

Số TT	Mã thôn	Tên thôn	ID hộ (trong TĐTDS 2019)	Tình trạng 1=Còn tại địa bàn 2=Hộ mới 3=Thay chủ hộ	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ chủ hộ	Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (đánh dấu x vào ô tương ứng)			Ghi chú
							Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản	
A	B	C	D	E	F	G	1	2	3	H
01										
02										
03										
04										
05										
06										
07										
08										
09										
....										

Ngày tháng năm 2020

Ngày tháng năm 2020

⁷ Chỉ ghi cho địa bàn khu vực nông thôn (Tổng số hộ của địa bàn)

Chi cục Thống kê.....
(Ký, đóng dấu)

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảng kê trang trại

Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:

Xã/phường/thị trấn:

STT	Họ, tên chủ trang trại	Địa chỉ sản xuất của trang trại (Số nhà, thôn, phố...)	Diện tích đất của trang trại tại thời điểm lập bảng kê (ha)				Giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản, muối năm 2019 (triệu đồng)
			Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Diện tích đất làm muối	
A	B	C	1	2	3	4	5
1							
2							
3							
....							

Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng kê
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm 2020

Chi cục Thống kê
(ký, đóng dấu)

Điện thoại:

Điện thoại:

